

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-02-2025
“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T O; Sinh năm: 1995.

Địa chỉ cư trú: Ấp K 8, xã T B, huyện T B, tỉnh C M (Có mặt).

Bị đơn: Ông H C N; Sinh năm 1995.

Địa chỉ cư trú: Số 1 đường LTKt, Khóm A, Phường B, thành phố CM, tỉnh C M. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về hôn nhân:* Bà N T O và ông H C N chung sống với nhau từ năm 2019 và đến ngày 17/02/2022 ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12. Theo Bà O trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa giải được nên đã ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà O yêu cầu ly hôn với ông H C N.

- *Về con chung:* Bà O xác định có 01 người con chung tên H N N K, sinh ngày 31/10/2020, hiện con chung đang sống với ông N. Khi ly hôn Bà O yêu cầu giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, Bà O không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà O xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà O xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông H C N, Tòa án đã triệu tập ông N nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Bà N T O được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H C N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của Bà N T O thấy rằng, Bà O và ông N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Hiện Bà O xác định quá trình chung sống giữa bà và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ năm 2022 nên không còn tình cảm với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông N mặc dù biết Bà O nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình, điều này chứng tỏ ông cũng không mong muốn được hàn gắn để vợ chồng về chung sống, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của Bà N T O được ly hôn với ông H C N.

[3] Về con chung: Bà O và ông N có 01 người con chung tên H N N K, sinh ngày 31/10/2020, hiện con chung đang sống với ông N. Khi ly hôn Bà O yêu cầu giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, Bà O không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu Bà O là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O xác định không có. Do đó Hội đồng không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 53, 56, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bà N T O về việc xin ly hôn với ông H C N.

2. Về con chung: Chấp nhận giao cháu H N N K, sinh ngày 31/10/2020 cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, Bà O không cấp dưỡng nuôi con. Bà O không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà O xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, Bà N T O phải chịu. Bà O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0009357 vào ngày 03/10/2024, được đối trừ Bà O đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc